

KIC PNY
K.T. Phung
[Signature]

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 285/H
	Giờ.....Ngày 1 tháng 9 năm 11

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|---------------------------|----------|
| 1. Ông Đại Ngọc Giang | Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Quốc Chính | Ủy viên |
| 3. Ông Nguyễn Trọng Hiền | Ủy viên |
| 4. Ông Vũ Hoàng Chương | Ủy viên |
| 5. Ông Nguyễn Quang Quyền | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Chính | Tổng Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Quốc Chi | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/04/2011) |
| 3. Ông Khuất Minh Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Nguyễn Quang Thắng | Phó Tổng Giám đốc |

Ban Kiểm soát

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Bà Đỗ Thị Vang | Trưởng Ban |
| 2. Ông Nguyễn Tuấn Linh | Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên |

Kế toán trưởng

Ông Lê Đức Tuấn

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

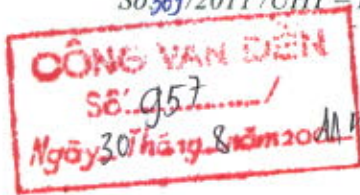


Đại Ngọc Giang
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011



Số 369/2011/UHY - BCKT



BÁO CÁO CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 25 tháng 08 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại ngày 30/06/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.780.329.087	221.173.722.161
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	41.989.903.713	5.920.148.771
Tiền	111		9.885.753.713	4.120.148.771
Các khoản tương đương tiền	112		32.104.150.000	1.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	36.953.351.149	93.631.262.307
Đầu tư ngắn hạn	121		36.953.351.149	93.631.262.307
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64.573.954.107	98.268.334.945
Phải thu khách hàng	131		61.259.577.676	77.520.047.677
Trả trước cho người bán	132		660.308.834	17.415.534.540
Các khoản phải thu khác	135	6	2.698.627.053	3.377.312.184
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(44.559.456)	(44.559.456)
Hàng tồn kho	140		10.795.409.690	22.772.375.616
Hàng tồn kho	141	7	10.798.258.835	22.775.224.761
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.849.145)	(2.849.145)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.467.710.428	581.600.522
Thuế GTGT được khấu trừ	152		763.665.964	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	73.788.571
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	704.044.464	507.811.951
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		697.921.160.232	641.870.419.199
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		643.556.160.232	587.505.419.199
Tài sản cố định hữu hình	221	9	413.441.271.288	434.261.788.882
- Nguyên giá	222		1.175.714.609.656	1.174.416.065.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(762.273.338.368)	(740.154.277.070)
Tài sản cố định vô hình	227	10	19.560.127.878	19.760.061.042
- Nguyên giá	228		19.993.316.400	19.993.316.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(433.188.522)	(233.255.358)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	210.554.761.066	133.483.569.275
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.365.000.000	54.365.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	12	54.365.000.000	54.365.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		853.701.489.319	863.044.141.360

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		62.821.294.855	86.301.363.623
Nợ ngắn hạn	310		44.647.426.128	63.541.879.139
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	4.491.296.714	8.982.593.428
Phải trả người bán	312		25.204.562.166	1.420.951.876
Người mua trả tiền trước	313		238.135.800	563.964.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.434.635.504	6.367.601.588
Phải trả người lao động	315		1.379.921.173	5.965.097.712
Chi phí phải trả	316	15	5.516.227.123	20.225.188.303
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	833.276.339	17.766.101.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.549.371.309	2.250.381.140
Nợ dài hạn	330		18.173.868.727	22.759.484.484
Vay và nợ dài hạn	334	17	17.965.186.858	17.965.186.858
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		208.681.869	208.681.869
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	4.585.615.757
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		790.880.194.464	776.742.777.737
Vốn chủ sở hữu	410	18	790.880.194.464	776.742.777.737
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.899.209.884	6.599.666.180
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	54.884.662
Quỹ đầu tư phát triển	417		76.475.658.251	77.775.201.955
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.556.317.344	3.556.317.344
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		67.949.008.985	53.756.707.596
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		853.701.489.319	863.044.141.360

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
Vật tư thu hồi từ các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định (VND)			1.412.501.786	1.374.885.819
Ngoại tệ các loại				
USD			239.231,85	121.282,24
			36,09	35,98



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	51.569.517.658	42.796.258.983
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.569.517.658	42.796.258.983
Giá vốn hàng bán	11	20	34.600.377.463	39.238.187.052
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.969.140.195	3.558.071.931
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	8.664.571.370	8.945.842.349
Chi phí tài chính	22		180.119.712	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		180.119.712	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.352.953.569	4.781.411.813
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.100.638.284	7.722.502.467
Thu nhập khác	31		52.788.857	97.833.694
Chi phí khác	32		32.959.171	31.190.121
Lợi nhuận khác	40		19.829.686	66.643.573
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.120.467.970	7.789.146.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	3.283.166.581	778.914.604
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.837.301.389	7.010.231.435
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	249	110



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		19.120.467.970	7.789.146.040
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		22.318.994.462	22.310.592.570
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái	4		(188.271.366)	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(8.476.300.004)	-
Chi phí lãi vay	6		180.119.712	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		32.955.010.774	30.099.738.610
Tăng giảm các khoản phải thu	9		32.808.270.931	(74.432.579.323)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		6.376.869.146	(1.117.232.947)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(25.689.939.570)	(2.755.526.463)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	9.451.000
Tiền lãi vay đã trả	13		(180.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.692.462.644)	(11.799.185.123)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	314.447.955
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(54.884.662)	(12.067.206.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		41.522.863.976	(71.748.092.473)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(49.159.294.848)	(12.341.448.064)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.677.911.158	20.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.500.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.476.300.004	6.841.722.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.994.916.314	(99.725.941)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.491.296.714)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.145.000.000)	(10.668.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.636.296.714)	(10.668.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		35.881.483.576	(82.515.818.414)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.920.148.771	219.279.229.179
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		188.271.366	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	41.989.903.713	136.763.410.765



Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là Công ty Cổ phần được chuyển đổi trên cơ sở Cổ phần hóa từ Công ty Thủy điện Thác Bà, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam – EVN) theo quyết định số 349/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1603000069 ngày 31/03/2006 và thay đổi lần thứ nhất ngày 07/05/2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Thác Bà - Huyện Yên Bình - Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 635.000 triệu đồng Việt Nam, chia thành 63.500.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Toàn bộ cổ phiếu của Công ty đăng ký lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh HOSE với mã chứng khoán TBC, ngày chào sàn 19/10/2009.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất công nghiệp Năng lượng.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán nêu trên và các quy định kế toán hiện hành có liên quan.

3.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

3.5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Công ty trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và thiếu hụt.

3.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	9 - 15
Thiết bị văn phòng	5 - 10

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị của các tài sản do Công ty quyết định đầu tư, mua mới từ quỹ đầu tư phát triển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3.12 CHÍNH SÁCH GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán điện trong kỳ được Công ty ghi nhận trên cơ sở giá bán điện tạm tính theo đơn giá bán đề nghị của Công ty mua bán điện (thuộc EVN) là 455,49 đồng/1KWh. Công ty chưa ký hợp đồng mua bán điện chính thức của năm 2011 với Công ty mua bán điện. Do đó, doanh thu trong giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 của Công ty có thể bị thay đổi khi Công ty ký hợp đồng mua bán điện với đơn giá bán chính thức.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty liên doanh, công ty liên kết và các công ty khác mà Công ty tham gia góp vốn; lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện; lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền cho vay hoặc ủy thác quản lý vốn được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài cho vay và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước chi phí lãi vay phải trả và trích trước các khoản chi phí khác. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHÍNH SÁCH GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo công văn chấp nhận số 744/BTC-CDKT ngày 19/6/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong kỳ được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

Các khoản chi phí phải trả khác: là các chi phí đã phát sinh nhưng chưa có đủ hoá đơn chứng từ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi nhận được chứng từ nếu có chênh lệch so với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tổng chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là: 1.357.694.044 đồng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	1.251.557.679	213.873.223
Tiền gửi ngân hàng	8.634.196.034	3.906.275.548
Các khoản tương đương tiền (*)	32.104.150.000	1.800.000.000
	41.989.903.713	5.920.148.771

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 30/06/2011 với số tiền 36.953.351.149 đồng là khoản tiền ủy thác quản lý vốn cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực, thời hạn ủy thác 1 năm, sau 3 tháng sẽ điều chỉnh lãi suất và nhập lãi vào gốc của khoản đầu tư.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu tiền lãi dự tính của các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Trong đó:	-	1.812.989.320
<i>Công ty Tài chính CP Điện Lực</i>	-	1.812.989.320
Thuế Nhà thầu nộp hộ	710.624.443	677.751.706
Phải thu tiền thuế TNCN	1.754.535.010	589.719.213
Phải thu khác	233.467.600	296.851.945
	2.698.627.053	3.377.312.184

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	4.742.810.844
Nguyên liệu, vật liệu	10.338.736.504	17.572.102.440
Công cụ, dụng cụ	459.522.331	460.311.477
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	10.798.258.835	22.775.224.761

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác tại ngày 30/06/2011 là số dư của các khoản tạm ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị vận tải, truyền dẫn	Phương tiện dụng cụ quản lý	Thiết bị	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	628.410.433.077	525.075.445.323	16.154.884.155	4.775.303.397	-	1.174.416.065.952
- Mua trong kỳ		365.363.364	32.500.000	886.771.249	13.909.091	1.298.543.704
- Thanh lý, nhượng bán						
30/06/2011	628.410.433.077	525.440.808.687	16.187.384.155	5.662.074.646	13.909.091	1.175.714.609.656
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	(313.124.025.832)	(410.726.028.540)	(11.704.901.622)	(4.599.321.076)	-	(740.154.277.070)
- Khấu hao trong kỳ	(9.508.775.753)	(11.970.022.009)	(537.613.718)	(102.455.390)	(194.428)	(22.119.061.298)
- Thanh lý, nhượng bán						
30/06/2011	(322.632.801.585)	(422.696.050.549)	(12.242.515.340)	(4.701.776.466)	(194.428)	(762.273.338.368)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	315.286.407.245	114.349.416.783	4.449.982.533	175.982.321	-	434.261.788.882
30/06/2011	305.777.631.492	102.744.758.138	3.944.868.815	960.298.180	13.714.663	413.441.271.288

Ghi chú:

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 173.306.236.565 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2011	19.993.316.400	19.993.316.400
30/06/2011	<u>19.993.316.400</u>	<u>19.993.316.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2011	(233.255.358)	(233.255.358)
- Khấu hao trong kỳ	(199.933.164)	(199.933.164)
30/06/2011	<u>(433.188.522)</u>	<u>(433.188.522)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2011	<u>19.760.061.042</u>	<u>19.760.061.042</u>
30/06/2011	<u>19.560.127.878</u>	<u>19.560.127.878</u>

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng các mảnh đất 34.540 m² và 145.235,6 m². Tổng giá trị quyền sử dụng hai mảnh đất nói trên đã được xác định trong tổng giá trị tài sản của Công ty Thủy điện Thác Bà tại thời điểm cổ phần hoá ngày 31/12/2004 được Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) phê duyệt tại Quyết định số 2342/QĐ-TCKT ngày 18/7/2005 là: 19.993.316.400 đồng. Giá trị Quyền sử dụng đất này trước đây không xác định thời hạn nên trong thời gian từ năm 2006 - 2009 Công ty không thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất nói trên.

Năm 2009 Đoàn thanh tra tỉnh Yên Bái đã tiến hành thanh tra về việc giải quyết giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 145.235,6 m² với giá trị 17.524.039.000 đồng đã được xác định vào giá trị thực tế của phần vốn góp Nhà nước khi cổ phần hoá. Theo đó, Đoàn thanh tra xác định giá trị của diện tích đất này là một khoản đầu tư vốn của Ngân sách tỉnh Yên Bái vào Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Ngày 08 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái đã ban hành công văn số 2423/UBND-TNMT V/v xác định đơn giá giao đất có thu quyền sử dụng đất tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với tổng giá trị là 18.089.045.100 đồng. Ngày 09 tháng 12 năm 2009 UBND tỉnh Yên Bái ra quyết định số 239/QĐ-TTr về việc thu hồi số tiền nói trên từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã nộp số tiền nói trên vào tài khoản của Thanh tra tỉnh Yên Bái tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Yên Bái.

Ngày 10/05/2010, Công ty đã được UBND Tỉnh Yên Bái cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất có thời hạn, diện tích đất có thời hạn sử dụng 45 năm là 96.216,1m², diện tích đất có thời gian sử dụng là 65 năm là 82.627,9 m². Năm 2010, Công ty trích khấu hao cho Quyền sử dụng đất nói trên từ ngày 10/05/2010 với thời gian là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	210.554.761.066	133.483.569.275
Xây dựng cơ bản dở dang	205.038.533.943	113.400.904.788
- Nâng cấp và HDH hệ thống đo lường điều khiển	34.398.017.482	22.599.898.004
- Dự án Đại tu phục hồi tổ máy số 3	170.640.516.461	90.801.006.784
Sửa chữa lớn Tài sản cố định (*)	5.516.227.123	20.082.664.487
- Đại tu đập chính	435.618.174	8.040.374.719
- Đại tu hệ thống kích từ máy 2		9.202.012.980
- Đại tu hành lang bảo vệ chân đập bờ trái	329.641.579	329.641.579
- Đại tu kích từ máy số 1	-	652.109.212
- Đại tu hệ thống rơi nhanh M3	320.247.461	252.162.332
- Đại tu máy biến dòng 110KV năm 2010	1.872.672.839	96.926.018
- Đại tu biến điện áp 110 KV năm 2009	1.106.030.774	1.106.030.774
- Đại tu nền sàn gian máy 33-34	590.325.185	-
DT hệ thống điện tự dùng - MBA tự dùng DT92	384.981.084	-
- - 2011	-	-
- Đại tu máy ném khí NI năm 2011	230.207.217	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ khác	246.502.810	403.406.873

(*) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh thực tế đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đồng thời chi phí này cũng được phản ánh trong khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” tương ứng với số dư trên khoản mục “Chi phí phải trả” (chi tiết phần xây dựng cơ bản). Số dư chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định nằm trên 2 khoản mục nêu trên sẽ được bù trừ khi các công trình được quyết toán.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác	54.365.000.000	54.365.000.000
Cổ phiếu (*)	54.365.000.000	54.365.000.000
Cộng	54.365.000.000	54.365.000.000

(*): Theo hợp đồng góp vốn số 919/HĐGV-NĐHP giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà với Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Công ty cam kết mua 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ 1% vốn điều lệ để trở thành một trong các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Đến ngày 30/06/2011, Công ty đã mua 3.450.000 cổ phiếu với giá mua là 54.365.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Toàn bộ số dư khoản mục “Vay và nợ ngắn hạn” tại ngày 30/06/2011 là khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2011 cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực theo hợp đồng Vay dài hạn số 06/2009/HĐTD-DH-DN/TCĐL giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	1.101.943.959	1.184.068.540
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.200.379.423	4.609.675.486
Thuế thu nhập cá nhân	43.584.904	561.555.184
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	12.302.378
	5.434.635.504	6.367.601.588

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ (*)	5.516.227.123	20.082.664.487
Chi phí lãi vay	-	142.523.816
	5.516.227.123	20.225.188.303

Ghi chú(*)

(*) Là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định tương ứng với số dư trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” như đã trình bày tại thuyết minh số 11.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	1.370.000
Bảo hiểm y tế	20.549.437	18.792.992
Bảo hiểm xã hội	30.808.037	33.028.866
Kinh phí công đoàn	345.137.125	188.114.670
Các khoản phải trả, phải nộp khác	436.781.740	17.524.794.564
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>158.786.400</i>	<i>17.303.786.400</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>277.995.340</i>	<i>221.008.164</i>
	833.276.339	17.766.101.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY DÀI HẠN

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	17.965.186.858	17.965.186.858
Vay dài hạn Công ty tài chính Cổ phần Điện Lực (*)	17.965.186.858	17.965.186.858
	17.965.186.858	17.965.186.858

(*): Hợp đồng Vay dài hạn số 06/2009/HĐTD-DH-DN/TCDL giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực: Tổng giá trị hợp đồng 130,5 tỷ đồng. Thời gian vay là 4 năm kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi hoàn trả hết nợ gốc, lãi và các khoản phí khác. Lãi suất trong hạn được tính bằng tổng của Lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tại Sở giao dịch của 4 ngân hàng: Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam. Mục đích của khoản vay là thực hiện dự án đầu tư Đại tu phục hồi tổ máy số 3 theo phê duyệt tại Quyết định số 823/QĐ-TĐTB-HĐQT ngày 17/07/2009 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà. Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay dài hạn trên là tài sản hình thành trong tương lai bằng vốn vay và vốn tự có của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Thị trấn Thác Bà - Yên Bình - Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	635.000.000.000	6.064.731.217	(314.447.955)	55.208.926.711	2.407.790.814	85.272.225.477	783.639.226.264
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	53.764.777.894	53.764.777.894
- Tăng khác	-	534.934.963	369.332.617	22.566.275.244	1.148.526.530	24.619.069.354	24.619.069.354
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(57.288.000.000)	(57.288.000.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(27.992.295.775)	(27.992.295.775)
31/12/2010	635.000.000.000	6.599.666.180	54.884.662	77.775.201.955	3.556.317.344	53.756.707.596	776.742.777.737
01/01/2011	635.000.000.000	6.599.666.180	54.884.662	77.775.201.955	3.556.317.344	53.756.707.596	776.742.777.737
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	15.837.301.389	15.837.301.389
- Tăng khác (*)	-	1.299.543.704	-	-	-	-	1.299.543.704
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
- Giảm khác (*)	-	-	(54.884.662)	(1.299.543.704)	-	(45.000.000)	(1.399.428.366)
30/06/2011	635.000.000.000	7.899.209.884	-	76.475.658.251	3.556.317.344	67.949.008.985	790.880.194.464

(*) Giảm khác của Quỹ đầu tư phát triển là phần Công ty đã đầu tư tài sản cố định mới trong kỳ bằng nguồn Quỹ đầu tư phát triển, tương ứng là phần tăng lên của Vốn khác của chủ sở hữu.

Công ty đang tạm trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 173/QĐ - TĐTB - HDQT ngày 17/2/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	342.900.000.000	342.900.000.000
<i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i>	<i>190.500.000.000</i>	<i>190.500.000.000</i>
<i>Tổng Công ty ĐT & KD vốn Nhà nước</i>	<i>152.400.000.000</i>	<i>152.400.000.000</i>
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	133.350.000.000	133.350.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	158.750.000.000	158.750.000.000
	635.000.000.000	635.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỐ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
	đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	635.000.000.000	635.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	635.000.000.000	635.000.000.000

18.4 CỐ PHIẾU

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	63.500.000
+ Cổ phiếu thường	63.500.000	63.500.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.475.658.251	77.775.201.955
Quỹ dự phòng tài chính	3.556.317.344	3.556.317.344
Cộng	80.031.975.595	81.331.519.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán điện	50.251.824.932	42.783.380.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.317.692.726	12.878.183
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.569.517.658	42.796.258.983

20. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.419.388.406	39.238.187.052
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	180.989.057	-
	34.600.377.463	39.238.187.052

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.476.300.004	8.945.842.349
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	188.271.366	-
	8.664.571.370	8.945.842.349

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.120.467.970	7.789.146.040
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	19.120.467.970	7.789.146.040
Phần thu nhập chịu thuế không được áp dụng ưu đãi thuế TNDN	8.869.895.174	-
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.217.473.794	-
Thu nhập không chịu thuế TNDN (phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tại 30/06/2011 của tiền gửi ngân hàng ngoại tệ)	188.271.366	-
Thu nhập được tính theo ưu đãi thuế	10.062.301.430	7.789.146.040
Thuế suất 20%, giảm 50% thuế phải nộp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.006.230.143	778.914.604
Chi phí thuế TNDN bổ sung theo Biên bản thanh tra thuế	59.462.644	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.283.166.581	778.914.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.837.301.389	7.010.231.435
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	63.500.000	63.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	249	110

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.004.979.034	751.439.671
Chi phí nhân công	7.911.600.740	6.409.093.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.304.617.634	22.310.592.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.176.873.135	11.182.977.387
Chi phí khác bằng tiền	5.555.260.489	3.365.495.334
	40.953.331.032	44.019.598.865

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	50.251.824.932	42.783.380.800
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	7.437.797.895	5.952.237.468
Lãi vay dài hạn phải trả		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	3.215.798.387	2.080.218.928

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan:

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Các khoản tiền ủy thác quản lý vốn		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	36.953.351.149	93.631.262.307
Vay dài hạn		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	17.965.186.858	17.965.186.858
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Công ty Tài chính CP Điện Lực	4.491.296.714	8.982.593.428
Cổ tức phải trả		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	17.145.000.000
Phải thu khách hàng		
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	60.833.363.596	77.162.353.677
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
	đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	786.940.547	474.910.957
- Lương và phụ cấp	786.940.547	474.910.957

25.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được soát xét. Tuy nhiên, một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được trình bày lại do Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố (chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 25.3 - Thông tin về điều chỉnh hồi tố).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.3 THÔNG TIN VỀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được điều chỉnh hồi tố do thay đổi giá bán điện chính thức năm 2010 theo Nghị quyết 395/NQ-HĐTV của Tập đoàn điện lực Việt Nam ngày 29/06/2011, giá bán điện chính thức là 530 đ/Kwh, giá đã tạm tính năm 2010 là 477 đ/Kwh. Theo đó, các số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty đã thay đổi như sau:

Khoản mục trên Báo cáo tài chính	Số liệu theo BCTC năm 2010 đã kiểm toán	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch
I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh			
Chỉ tiêu			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	131.933.229.827	146.536.773.242	14.603.543.415
- Giá vốn hàng bán	80.530.852.554	81.250.493.177	719.640.623
- Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	47.678.069.823	61.561.972.615	13.883.902.792
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.408.804.442	7.797.194.721	1.388.390.279
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	41.269.265.381	53.764.777.894	12.495.512.513
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	650	847	197
II. Bảng cân đối kế toán			
Chỉ tiêu			
1. Tài sản			
- Các khoản phải thu ngắn hạn			
Phải thu khách hàng	61.456.149.920	77.520.047.677	16.063.897.757
- Tài sản ngắn hạn khác			
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	350.074.373	73.788.571	(276.285.802)
2. Nguồn vốn			
- Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.795.142.769	6.367.601.588	2.572.458.819
Phải trả người lao động	5.281.577.089	5.965.097.712	683.520.623
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17.729.981.092	17.766.101.092	36.120.000
- Vốn chủ sở hữu			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	41.261.195.083	53.756.707.596	12.495.512.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

25.3 THÔNG TIN VỀ ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ (TIẾP)

Khoản mục trên Báo cáo tài chính	Số liệu theo BCTC từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 đã soát xét	Số liệu trình bày lại	Chênh lệch
I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh			
Chi tiêu			
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.517.920.903	42.796.258.983	4.278.338.080
- Giá vốn hàng bán	39.027.356.996	39.238.187.052	210.830.056
- Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	3.721.638.016	7.789.146.040	4.067.508.024
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	372.163.802	778.914.604	406.750.802
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.349.474.214	7.010.231.435	3.660.757.221
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	110	57
II. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Chi tiêu			
- Lợi nhuận trước thuế	3.721.638.016	7.789.146.040	4.067.508.024
- Tăng giảm các khoản phải thu	(70.154.241.243)	(74.432.579.323)	4.278.338.080
- Tăng giảm các khoản phải trả	(2.966.356.519)	(2.755.526.463)	(210.830.056)




Nguyễn Quốc Chính
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 25 tháng 08 năm 2011


Lê Đức Tuấn
Kế toán trưởng